

Số: 60/2023/QĐST-HNGĐ

Cầu Ngang, ngày 30 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 143/2023/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 01 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị Cát T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh Hà Văn T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 57; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 01 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 01 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị Cát Tường và anh Hà Văn Tâm.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trương Thị Cát T và anh Hà Văn T tự nguyện thuận tình ly hôn.

- *Về nuôi con tên:* Hà Gia B, sinh ngày 27/02/2017. Chị Trương Thị Cát T và anh Hà Văn T tự thoả thuận về quyền nuôi con như sau:

+ Chị Trương Thị Cát T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Hà Gia B, sinh ngày 27/02/2017 khi ly hôn.

+ Anh Hà Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tòa án đã giải thích Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn nhưng chị Trương Thị Cát T và anh Hà Văn T không tranh chấp, không khởi kiện, nên không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu phải trả*: Tòa án đã giải thích Điều 59 và Điều 60 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng chị Trương Thị Cát T và anh Hà Văn T không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Chị Trương Thị Cát T tự nguyện nộp 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí do chị Tường nộp theo biên lai số 0013199 ngày 23 tháng 12 năm 2022 cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Hoàn trả lại cho chị Trương Thị Cát T 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- UBND xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Trần Ngọc Hùng Anh